TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST Ngày 20-6-2018 V/v tranh chấp xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Mẫn.

-Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Trung.

Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 29/2018/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 6 năm 2018; giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp ML, xã PL, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp ML1, xã PL1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17-10-2001. Sau khi kết hôn, chị và anh Th sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do chị và anh Th được mai mối chưa tìm hiểu về nhau nên sau khi kết hôn thì chị và anh Th bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02-2017 đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Phúc Th1, sinh ngày 16-9-2001; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07-5-2008; Nguyễn Phương O, sinh ngày 04-3-2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phương O, chị yêu cầu anh Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Phúc Th1, chị và anh Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thoả thuận.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn Nguyễn Văn Th: Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tống đạt đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Th nhưng anh Th không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị B cho Toà án. Đến ngày 17-01-2018 anh Th có đơn xin vắng mặt khi Toà án tiến hành xét xử sơ thẩm.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:

Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B cho chị B ly hôn với anh Th, giao con Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phương O cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Phúc Th1 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị B và anh Th kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, anh Thanh có hộ khẩu thường trú tại ấp ML1, xã PL1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên chị B khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp " Xin ly hôn".

[2] Tại phiên toà hôm nay, anh Th không đến tham dự phiên toà, anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh Th trong quá trình chung sống không hạnh phúc, chị và anh Th thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần hàn gắn nhưng cuộc sống không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt nên chị và anh Th đã sống ly thân từ tháng 02-2017 cho đến nay. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh Th, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh Th là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Phúc Th1, sinh ngày 16-9-2001; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07-5-2008; Nguyễn Phương O, sinh ngày 04-3-2016. Hiện cháu H và cháu O đang sống chung với chị B, cháu Th1 đang sống chung với anh Th và theo nguyện vọng của cháu H, cháu O được tiếp tục chung sống với chị B; nguyện vọng của cháu Th1 được tiếp tục sống với anh Th; để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận giao cháu H và cháu O cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Th1 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: chị B và anh Th chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

[7] Nợ chung: không có.

[8] Về án phí: chị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu... án phí, lệ phì Tòa án.

*Về đề nghị của Viện kiểm sát: xét đề nghị của Kiểm sát viên là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56,58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B. Cho chị Nguyễn Ngọc B ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 07-5-2008 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 04-3-2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Phúc Th1, sinh ngày 16-9-2001 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị B, anh Th có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị B, anh Th chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị B, anh Th chưa có yêu cầu.

3.Về tài sản chung: tự thoả thuận.

4.Về nợ chung: không có.

5.Về án phí: áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19047 ngày 12-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị B đã thi hành xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã MP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Mẫn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hòa Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Mẫn